



TỔNG HỢP MỨC THU DỊCH VỤ NĂM HỌC 2025-2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 31/NQ-HĐND TỈNH NGHỆ AN- BẠC MÀM NON

(Kèm theo Công văn số 954/UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Hùng Châu)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Chương trình dạy học tăng cường					Tổ chức bán trú trong các cơ sở giáo dục công lập					Ghi chú		
		Tăng cường Tiếng Anh (đồng/HS/Tiết)				Tăng cường phát triển năng khiếu Nghệ thuật (Múa, Erobic) (đồng/HS/Tiết)	Tiền thuế khoán người nấu ăn và chi phí bán trú (đồng/HS/tháng)		Thu để mua sắm vật dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú. Trong đó					
		Mức thu theo NQ 31/2020 đối với giáo viên là người Nước ngoài	Mức thu tại đơn vị đối với giáo viên là người Nước ngoài	Mức thu theo NQ 31/2020 đối với giáo viên là người Việt Nam	Mức thu tại đơn vị đối với giáo viên là người Việt Nam	Mức thu theo NQ 31/2020	Mức thu tại đơn vị	Mức thu theo NQ 31/2020	Mức thu tại đơn vị	Mức thu theo NQ 31/2020	Mức thu tại đơn vị			
1	Trường Mầm non Lâm 1			40,000	22,000	25,000	17,000	200,000	106,158			150,000	124,578	
2	Trường Mầm non Lâm 2			40,000	22,000	25,000	17,000	200,000	100,891			150,000	126,979	
3	Trường Mầm non Diễn Đoàn			40,000	22,000	25,000	17,000	200,000	110,000			150,000	90,000	
4	Trường Mầm non Diễn Trường	50,000	40,000	40,000	22,000	25,000	16,000	200,000	120,000	300,000	160,000	150,000	110,000	
5	Trường Mầm non Diễn Yên			40,000	22000	25,000	17,000	200,000	118,000			150,000	95,000	



BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ NĂM HỌC 2025-2026 THEO NGHỊ QUYẾT 31/2020/NQ-HĐND TỈNH NGHỆ AN - CẤP TIÊU HỌC
(Kèm theo Công văn số 954/UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Tiền dịch vụ học sinh				Chương trình hoạt động dạy tăng cường				Tổ chức bán trú trong các cơ sở công lập					
		Số liên lạc điện từ		Phù hiệu học sinh		Học phẩm phục vụ thi, kiểm tra (phô tô để kiểm tra học kỳ)		Thu để thực hiện dạy học chương trình giáo dục STEM (đồng/hs/tiết)		Thu để thực hiện dạy học tiếng anh tăng cường (đồng/hs/tiết)		Thu để thuê khoản người nấu ăn và chi phí bán trú (đồng/hs/tháng)		Tiền mua sắm đồ dùng bán trú cho lần đầu hoặc tuyến mới	
		Mức thu theo NQ31	Mức thu tại đơn vị	Mức thu theo NQ31	Mức thu tại đơn vị	Mức thu theo NQ31	Mức thu tại đơn vị	Mức thu theo NQ31	Mức thu tại đơn vị	Mức thu theo NQ31	Mức thu tại đơn vị	Mức thu theo NQ31	Mức thu tại đơn vị	Mức thu theo NQ31	Mức thu tại đơn vị
1	Tiểu học Diễn Lâm 1	100,000	100,000			60,000	K1,2: 20.000 K3: 40.000 K4,5: 50.000	25,000	25,000	40,000	20,000				
2	Tiểu học Diễn Lâm 2	100,000	100,000			60,000	K1,2: 20.000 K3: 40.000 K4,5: 50.000	25,000	25,000	40,000	20,000				
3	Tiểu học Diễn Đoài	100,000	100,000			60,000	K1,2: 30.000 K3: 40.000 K4,5: 50.000	25,000	12,500	40,000	20,000				
4	Tiểu học Diễn Trường	100,000	100,000			60,000	K1,2: 20.000 K3: 30.000 K4,5: 40.000	25,000	12,500	40,000	20,000				
5	Tiểu học Diễn Yên	100,000	100,000			60,000	K1,2: 25.000 K3: 30.000 K4,5: 50.000	25,000	12,500	40,000	20,000				



BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ NĂM HỌC 2025-2026 THEO NGHỊ QUYẾT 31/2020/NQ-HĐND TỈNH NGHỆ AN - CẤP THCS
(Kèm theo Công văn số 954/UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Hưng Châu)

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị tính: đồng																	
TT	Tên đơn vị	Tiền dịch vụ học sinh						Chương trình dạy học tăng cường		Dịch vụ dạy thêm, học thêm	Dịch vụ dạy thêm sau thời gian kết thúc chương trình chính khóa	Chi phí phát sinh do tổ chức bán trú		Ghi chú			
		Số liên lạc điện tử		Phù hiệu học sinh		Học phẩm phục vụ thi, kiểm tra (phô tô đề kiểm tra học kỳ)		Học phẩm phục vụ thi, kiểm tra (phô tô đề tổ chức thi thứ cho học sinh cuối cấp)				Thu đề thực hiện dạy học tiếng anh tăng cường (đồng/hs/tiết)					
		Mức thu theo NQ31	Mức thu tại đơn vị	Mức thu theo NQ31	Mức thu tại đơn vị	Mức thu theo NQ31	Mức thu tại đơn vị	Mức thu theo NQ31	Mức thu tại đơn vị			Mức thu theo NQ31	Mức thu tại đơn vị		Mức thu theo NQ31	Mức thu tại đơn vị	
1	THCS Diễn Lâm							50,000	40,000								
2	THCS Diễn Doài	100,000	100,000			60,000	60,000	50,000	50,000								
3	THCS Diễn Trường	100,000	100,000														
4	THCS Phùng Chí Kiên					60,000	Lớp 6,7,8: 45,000 Lớp 9: 55,000	50,000	30,000	GVNN: 50,000 GVVN: 40,000	GVNN: 36,000 GVVN: 18,000						